

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều khoản tham chiếu và dự toán Gói thầu VN-CSCC-HUE-TV11: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục: Giám sát trồng rừng ngập mặn)
Dự án Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam – thành phố Huế

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BKHĐT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quy chế chung quản lý chương trình, dự án hợp tác Việt Nam – Liên hợp quốc (HPPMG) năm 2010, năm 2016;

Căn cứ Hướng dẫn của LHQ-EU về chi phí địa phương trong hợp tác phát triển với Việt Nam năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2025 của UBND thành phố Huế ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật “Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam - tỉnh Thừa Thiên Huế” do Chính phủ Canada tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP);

Căn cứ Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể của Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam – Thành phố



Huế” do Chính phủ Canada tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP);

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-SNNMT ngày 05/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 2 (Năm 2026) Dự án Công đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam – thành phố Huế;

Căn cứ Thư không phản đối của UNDP ngày 12/5/2026 về Điều khoản tham chiếu (Tor) và E HSMT Gói thầu VN-CSCC-HUE-TV11;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án VN-CSCC thành phố Huế tại Tờ trình số 53/TTr-VN-CSCC ngày 13/5/2026 và Báo cáo thẩm định số 03/KHĐTTC-VN-CSCC ngày 13/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều khoản tham chiếu Điều khoản tham chiếu (Tor) và dự toán Gói thầu VN-CSCC-HUE-TV11: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục: Giám sát trồng rừng ngập mặn) với những nội dung như sau:

I. Nội dung điều khoản tham chiếu:

1. Bối cảnh
2. Mục tiêu
3. Kết quả
4. Phạm vi công việc
5. Phương pháp thực hiện
6. Kế hoạch thực hiện
7. Yêu cầu năng lực và kinh nghiệm công tác
8. Các điều kiện chi trả liên quan

II. Dự toán gói thầu:

- Gói thầu VN-CSCC-HUE-TV11: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục: Giám sát trồng rừng ngập mặn).

- Giá trị dự toán gói thầu phê duyệt: **514.806.000 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm mười bốn triệu tám trăm lẻ sáu ngàn đồng chẵn).

- Nguồn vốn: Vốn ODA không hoàn lại.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

A.X.H
S
ÔNG
V
MÔI TR
ẢNH F

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư và Tài chính, Giám đốc Ban QLDA Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam – thành phố Huế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc;
- Lưu: VT.

[Handwritten initials]

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Đức

C.N
PHI
CÓN
IỐ

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ GÓI THẦU

Gói thầu VN-CSCC-HUE-TV11: Hoạt động 1321.4. Thực hiện phục hồi rừng ngập mặn tại chỗ có sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo (Hạng mục: Giám sát trồng rừng ngập mặn)
(Kèm theo Quyết định số 603 /QĐ-SNNMT ngày 13 tháng 5 năm 2026)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Công tư ván/nhân sự	Ngày công	200			
1	Chuẩn bị báo cáo khởi động hoạt động	Ngày công	4	4.045.000	16.180.000	
	Công trưởng nhóm (VNM2-3)	Ngày công	4	1.891.000	7.564.000	
	Công thành viên (VNM1) (2 người) (Thành viên 1 giám sát tạo bãi, Thành viên 2 giám sát trồng rừng)	Ngày công				
2	Giám sát gây bồi tạo bãi và trồng rừng ngập mặn	Ngày công	20	4.045.000	80.900.000	
	Công trưởng nhóm (VNM2-3)	Ngày công	43	1.891.000	81.313.000	
	Công thành viên (VNM1) (Thành viên 1 giám sát tạo bãi)	Ngày công	44	1.891.000	83.204.000	
	Công thành viên (VNM1) (Thành viên 2 giám sát trồng rừng)	Ngày công				
3	Giám sát trồng rừng ngập mặn (Chăm sóc năm 1)	Ngày công		4.045.000	-	Phụ lục II-A - Hướng dẫn của LHQ-EU
	Công trưởng nhóm (VNM2-3)	Ngày công	25	1.891.000	47.275.000	
	Công thành viên (VNM1) (Thành viên 2 giám sát trồng rừng)	Ngày công				
4	Giám sát trồng rừng ngập mặn (Chăm sóc năm 2)	Ngày công		4.045.000	-	
	Công trưởng nhóm (VNM2-3)	Ngày công	25	1.891.000	47.275.000	
	Công thành viên (VNM1) (Thành viên 2 giám sát trồng rừng)	Ngày công				
5	Giám sát trồng rừng ngập mặn (Chăm sóc năm 3)	Ngày công		4.045.000	-	
	Công trưởng nhóm (VNM2-3)	Ngày công	20	1.891.000	37.820.000	
	Công thành viên (VNM1) (Thành viên 2 giám sát trồng rừng)	Ngày công				
5	Giám sát trồng rừng ngập mặn (Chăm sóc năm 4)	Ngày công		4.045.000	-	
	Công trưởng nhóm (VNM2-3)	Ngày công	15	1.891.000	28.365.000	
	Công thành viên (VNM1) (Thành viên 2 giám sát trồng rừng)	Ngày công				
B	Chi phí khác					
	Chi phí đi lại (cự ly trung bình 26km, thời gian làm việc 80% hiện trường và 20% ở văn phòng)	Km	8.320	4.597	38.247.040	
	In ấn hồ sơ, báo cáo, tài liệu.	Tron gói	1	8.529.000	8.529.000	Theo thực tế
	Công				476.672.000	
	Thuế VAT (8%)			8%	38.134.000	
	Tổng cộng				514.806.000	

Bảng chữ: Năm trăm mười bốn triệu tám trăm lẻ sáu ngàn đồng chẵn.

